

Số: 03/2023/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 5 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC  
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ điểm c, khoản 3 điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Xét Tờ trình 03/TTr-BKTNS ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết về Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn

đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khóa XVII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 5 năm 2023. /

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Cổng thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu VT, TTDN (01).T(50b).

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Thị Thúy Lan**



## QUY CHẾ

**Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **03/2023/NQ-HĐND** ngày **05** tháng **5** năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân (gọi tắt là HĐND) tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan về bảo vệ bí mật nhà nước.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (gọi tắt là Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc.

##### Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước

Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước được thực hiện thống nhất theo các nội dung quy định tại Quy chế này và đảm bảo theo Điều 3 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

##### Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước

Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước của HĐND tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

### Chương II

#### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

##### Điều 5. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước

1. Việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và Điều 2 Nghị

định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Chủ tịch HĐND tỉnh có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước của HĐND tỉnh hoặc thông tin thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước được tiếp nhận từ các cá nhân, tổ chức khác nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước để quản lý, bảo vệ theo quy định.

3. Chủ tịch HĐND tỉnh được ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐND tỉnh theo lĩnh vực được phân công xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước đối với những thông tin thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản.

4. Phó Chủ tịch HĐND tỉnh được ủy quyền của Chủ tịch HĐND tỉnh có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước đối với những thông tin thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách theo các quy định của pháp luật.

5. Độ mật của bí mật nhà nước được thể hiện bằng dấu chỉ độ mật, văn bản xác định độ mật. Đối với vật, địa điểm, lời nói, hoạt động, hình thức khác chứa bí mật nhà nước mà không thể đóng dấu độ mật được thì các cá nhân được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này chịu trách nhiệm về phát ngôn, phải có văn bản xác định độ mật của vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc hình thức khác chứa bí mật nhà nước theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

#### **Điều 6. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

1. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật gồm:

- a) Chủ tịch HĐND tỉnh;
- b) Các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản.

2. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, Mật gồm:

- a) Người được quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Trưởng các Ban HĐND và Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có thẩm quyền sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;
- c) Phó Trưởng các Ban HĐND và Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh được Trưởng ban và Chánh Văn phòng ủy quyền theo quy định.

d) Trưởng các phòng thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật và không được ủy quyền cho các Phó Trưởng phòng.

3. Việc ủy quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo khoản 5 Điều 11 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

4. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP và Điều 2, Điều 3 Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

### **Điều 7. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

1. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi vận chuyển phải được đựng trong bao bì chắc chắn bằng loại vật liệu phù hợp; khi cần thiết phải niêm phong theo quy định; có phương tiện vận chuyển an toàn; trường hợp xét thấy cần thiết thì phải bố trí người bảo vệ việc vận chuyển các tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước .

2. Quy trình giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

3. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi dự thảo, lấy ý kiến góp ý, khi sử dụng tại các hội nghị, hội thảo, cuộc họp, kỳ họp HĐND tỉnh phải được thu hồi và thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước theo đúng quy định.

### **Điều 8. Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

1. Thực hiện theo Điều 12 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

2. Đối với phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được trang bị phương tiện đảm bảo an toàn.

3. Người được phép sử dụng các thiết bị có tính năng lưu giữ, sao, chụp, ghi âm, soạn thảo văn bản mang bí mật nhà nước phải có biện pháp bảo mật thiết bị, thông tin lưu trữ, phải đăng ký với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý. Khi mang thiết bị ra khỏi cơ quan, đơn vị phải báo cho người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan biết về thời gian, địa điểm sử dụng thiết bị, tài liệu lưu giữ và phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc người được Chủ tịch ủy quyền theo quy định; nếu để mất thiết bị lưu giữ hoặc lộ, mất thông tin, tài liệu có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước lưu giữ trong thiết bị phải báo cáo Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc người được Chủ tịch ủy quyền và triển khai ngay biện pháp cần thiết để khắc phục, hạn chế hậu quả do lộ, lọt, mất bí mật nhà nước và phục vụ công tác điều tra, truy xét, truy tìm.

4. Việc sửa chữa, thay thế các máy vi tính dùng để đánh máy, lưu giữ thông tin bí mật nhà nước chỉ được tiến hành trong khu vực trụ sở cơ quan. Máy vi tính và các phương tiện dùng để soạn thảo, lưu giữ thông tin bí mật nhà nước không được bán thanh lý mà phải thực hiện tiêu hủy theo quy định.

**Điều 9. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước**

1. Thẩm quyền quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam; mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ được quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

2. Thủ tục, trình tự cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước thực hiện theo Điều 15 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; thủ tục, trình tự mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ được thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

**Điều 10. Việc bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu trữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước**

1. Các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, bao gồm thiết bị, phần mềm mới dùng để soạn thảo, lưu trữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước; các thiết bị, phần mềm được nâng cấp hoặc sửa đổi, bổ sung trước khi đưa vào sử dụng tại các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi chứa đựng bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các thiết bị, phần mềm sử dụng cho các chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi chứa bí mật nhà nước hoặc do tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ, cho tặng phải được Công an tỉnh kiểm tra trước khi sử dụng.

2. Việc sửa chữa máy tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính chất lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước nếu bị hư hỏng phải do cán bộ công nghệ thông tin cơ quan thực hiện. Thông tin cá nhân bao gồm họ và tên, nơi cư trú, số căn cước công dân, số điện thoại di động, nơi công tác làm việc phải được ghi chép lại và lưu giữ. Khi thực hiện dịch vụ phải cử cán bộ theo dõi, giám sát chặt chẽ.

3. Không được đem máy tính có tài liệu mật của Hội đồng nhân dân tỉnh được lưu trữ ra bên ngoài trụ sở để sử dụng, sửa chữa. Trường hợp buộc phải đem ra ngoài sửa chữa thì phải tháo rời và để ổ cứng lại trong trụ sở cơ quan.

4. Không sử dụng thiết bị thu phát sóng không dây trong các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, hệ thống mạng thông tin quan trọng quốc gia và tại bộ phận, vị trí trọng yếu cơ mật.

**Điều 11. Các hoạt động khác trong bảo vệ bí mật nhà nước**

1. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của HĐND tỉnh; thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước; gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước; điều chỉnh độ mật; giải mật; tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định từ Điều 16 đến Điều 23 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, Điều 6 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 12. Kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước**

1. Kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước thực hiện theo Thông tư số 110/2013/TT-BTC ngày 14/8/2013 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác bảo vệ bí mật nhà nước của HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh lập dự toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định.

**Điều 13. Kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước**

1. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu, giúp Chủ tịch HĐND tỉnh thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước đối với các đơn vị trong phạm vi quản lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; tham mưu xử lý kịp thời những vấn đề thuộc lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện cho ngành chức năng tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

3. Người có hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy chế này thì tùy theo tính chất của hành vi vi phạm mà xử lý theo quy định pháp luật.

4. Khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước hoặc có khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với cơ quan Công an, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tham mưu giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

### **Điều 14. Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và các quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức, chỉ đạo công tác giám sát việc thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hàng năm, chỉ đạo các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện việc báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

### **Điều 15. Trách nhiệm của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình tổ chức các hoạt động theo phạm vi lĩnh vực phụ trách của Ban.

2. Tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 16. Trách nhiệm của đại biểu, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

Đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, các văn bản pháp luật liên quan và Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo nghị quyết này.

### **Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh giúp tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phân công công chức thuộc Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị có đủ tiêu chuẩn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Văn thư cơ quan Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý con dấu, đóng dấu theo quyết



định của người duyệt ký tài liệu bí mật nhà nước và thực hiện các nội dung khác về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác bảo vệ bí mật nhà nước, lập dự toán kinh phí bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xét duyệt để triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Định kỳ hàng năm, theo nhiệm kỳ hoặc đột xuất, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Quy chế; giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và tình hình thực tế, đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 18. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thông báo Công an tỉnh khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý để kịp thời có biện pháp giải quyết.

3. Ra quyết định phân công cán bộ trực thuộc thực hiện nhiệm vụ tham mưu, theo dõi công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi người được phân công quản lý bí mật nhà nước thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước.

### **Điều 19. Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước**

1. Người tiếp cận bí mật nhà nước có trách nhiệm sau đây:

a) Nắm rõ và tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế, nội quy của cơ quan về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước.

c) Sử dụng bí mật nhà nước đúng mục đích.

d) Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan trực tiếp quản lý bí mật nhà nước.

2. Người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.
- b) Đề xuất người có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp để bảo vệ bí mật nhà nước do mình trực tiếp quản lý.
- c) Trường hợp phát hiện vi phạm trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước thì người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước phải có biện pháp xử lý và báo cáo người có trách nhiệm giải quyết, thông báo cho cơ quan xác định bí mật nhà nước biết để có biện pháp khắc phục.
- d) Trước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước thì phải bàn giao bí mật nhà nước cho cơ quan có thẩm quyền quản lý và cam kết bảo vệ bí mật nhà nước đã quản lý.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
2. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước và chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của HĐND tỉnh theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP./.